

Số: 4930/TB-BVYHCT-KD

Nghệ An, ngày 18 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ
Cung cấp thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện YHCT Nghệ An.

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023:

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 13/11/2025 về việc Thống nhất danh mục, số lượng kế hoạch mua sắm thuốc bổ sung cho Nhà thuốc Bệnh viện.

Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An có kế hoạch mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh trong vòng 12 tháng theo danh mục chào giá tại Phụ lục 01 đính kèm. Để có căn cứ tiến hành mua sắm đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình, Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An kính mời các nhà thầu có đủ năng lực tham gia chào giá.

I. Thành phần hồ sơ chào giá bao gồm:

1. Đơn chào giá và các hồ sơ theo yêu cầu của Đơn chào giá (Theo mẫu số 01)
2. Bản cam kết (Theo mẫu số 02)
3. Biểu mẫu chào giá (Theo mẫu số 03)

2. Đối với mỗi mã hàng hóa mời chào hàng tại phụ lục 01, Bệnh viện tiến hành lựa chọn hàng hóa để mua sắm như sau:

- Có đầy đủ hồ sơ chào giá theo yêu cầu.
- Thuốc được lựa chọn mua sắm là thuốc có giá chào thấp nhất.

3. Hồ sơ chào giá xin gửi về:

- Hồ sơ mời chào giá được niêm phong đầy đủ, gửi bản cứng về phòng Văn thư Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An. Địa chỉ: Số 1 – Đường Tuệ Tĩnh – Phường Vinh Phú – Tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 0238 3522 444.

- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ báo giá: Từ ngày 08h ngày 20/11/2025 đến 16h ngày 04/12/2025.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD (để b/c)
- Lưu: VT.KD.



Hồ Văn Thắng

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC THUỐC CHÀO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số 130/TB-BVYHCT-KD ngày 18 /11/2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An)

TT	Mã HH	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
1	NTBS02	Acetyllecucin	4	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	5000
2	NTBS03	Acetylcystein	1	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1000
3	NTBS04	Aciclovir	4	5%. 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1000
4	NTBS05	Acid alendronic (dưới dạng alendronat natri trihydrat) + Cholecalciferol (dưới dạng dung dịch Cholecalciferol 1 M.IU/g)	4	70mg + 5600IU	Uống	Viên	Viên	1000
5	NTBS06	Acid ascorbic: Rutin	4	50mg: 50mg	Uống	Viên	Viên	2000
6	NTBS07	Acid salicylic + Betamethason dipropionat	4	(3% + 0.064%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1000
7	NTBS08	Alginate natri + natri bicarbonate + calci carbonate	4	(500mg + 267mg + 160mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	1000
8	NTBS09	Alpha chymotrypsin	2	21 microkatal (4.2mg hoặc 4.200 IU)	Uống	Viên	Viên	2000

9	NTBS10	Aluminum phosphat	1	12,38g/gói 20g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Viên	1000
10	NTBS11	Amlodipin	2	5mg	Uống	Viên nang	Viên	5000
11	NTBS12	Amoxicilin	1	500 mg	Uống	Viên nang	Viên	1000
12	NTBS14	Atorvastatin	3	10mg	Uống	Viên	Viên	2000
13	NTBS15	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat)	2	20mg	Uống	Viên	Viên	2000
14	NTBS16	Benserazide (dưới dạng Benserazide hydrochloride) 50mg; Levodopa 200mg	1	50mg; 200mg	Uống	Viên	Viên	1000
15	NTBS17	Berberin (hydroclorid)	4	100mg	Uống	Viên nang	Viên	5000
16	NTBS19	Betamethason dipropionat + clotrimazol + gentamicin	4	(6.4mg + 100mg + 10mg)/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1000
17	NTBS20	Bismuth subsalicylat	4	35mg/ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	1000
18	NTBS22	Bisoprolol fumarat	1	2.5mg	Uống	Viên	Viên	5000
19	NTBS23	Calci (dưới dạng calci carbonat) + Vitamin D3	1	600mg + 400IU	Uống	Viên hoà tan nhẹ	Viên	3000
20	NTBS24	Calcitonin cá hồi tổng hợp	1	50IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	300
21	NTBS25	Calcium carbonate+ Vitamin D3	2	300mg + 5mcg	Uống	Viên	Viên	3000
22	NTBS26	Carbocistein	4	375mg	Uống	Viên	Viên	2000
23	NTBS28	Cephalexin	2	500mg	Uống	Viên nang	Viên	1000
24	NTBS29	Choline alfoscerate	4	800mg	Uống	Viên nang	Viên	2000

25	NTBS32	Codein + terpin hydrat	4	5mg + 200mg	Uống	Viên nang	Viên	2000
26	NTBS33	Codein camphosulphonat + sulfogaiacol + cao mềm grindelia	1	25mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên	Viên	2000
27	NTBS34	Dexibuprofen	4	400mg	Uống	Viên nang	Viên	3000
28	NTBS35	Dextromethorphan Hbr + Loratadin + Guaiphenesin	4	10mg + 2.5mg + 100mg	Uống	Viên	Viên	3000
29	NTBS36	Diclofenac	4	1g/100g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	5000
30	NTBS37	Eperison hydroclorid	2	50mg	Uống	Viên	Viên	5000
31	NTBS40	Galantamin hydrobromid	4	5mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2000
32	NTBS42	Ginkgo biloba	4	17.5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5000
33	NTBS43	Gliclazid	BDG	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1000
34	NTBS44	Glucosamin (dưới dạng Glucosamin hydroclorid)	1	750mg	Uống	Viên nang	Viên	10000
35	NTBS45	Glucosamine Sulfate	1	1500 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	10000
36	NTBS46	Hydrocortison	4	20mg	Uống	Viên	Viên	1000
37	NTBS47	Ibandronic acid	4	50mg	Uống	Viên	Viên	1000
38	NTBS48	Kẽm (Kẽm gluconat)	4	10mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Lọ/Gói	10000
39	NTBS49	Lá Sen; Lá Vông nem; Lạc tiên; Bình vôi; Trinh nữ	4		Uống	Viên	Viên	10000
40	NTBS51	Loperamid	4	2 mg	Uống	Viên nang	Viên	5000
41	NTBS52	Loratadine	1	10mg	Uống	Viên	Viên	5000

42	NTBS53	Mecobalamin	5	1500mcg	Uống	Viên	Viên	10000
43	NTBS54	Meloxicam	1	15mg/1.5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	3000
44	NTBS55	Methocarbamol	4	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1000
45	NTBS56	Methotrexat	4	2,5mg	Uống	Viên	Viên	2000
46	NTBS57	Methotrexat	2	2.5 mg	Uống	Viên	Viên	2000
47	NTBS59	Methylprednisolone	4	16mg	Uống	Viên	Viên	2000
48	NTBS60	Metronidazol	2	250mg	Uống	Viên	Viên	2000
49	NTBS61	Metronidazol / Spiramycin	4	125mg/750000 IU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	2000
50	NTBS62	Mỗi 500ml chứa: Acid ascorbic 500mg; Dextrose 25g; Nicotinamid 625mg; Dexpanthenol 250mg; Pyridoxin HCl 25mg; Riboflavin (dưới dạng riboflavin natri phosphat) 25mg; Thiamin HCl 125mg	2	500mg, 25g, 625mg, 250mg, 25mg, 25mg, 125mg	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Chai	500
51	NTBS64	Natri montelukast	1	10mg	Uống	Viên	Viên	1000
52	NTBS66	Omeprazol	1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	5000
53	NTBS67	Paracetamol + chlorpheniramin	4	500mg + 2mg	Uống	Viên sủi	Viên	5000
54	NTBS68	Paracetamol + tramadol	2	325mg, 37,5mg	Uống	Viên	Viên	3000
55	NTBS69	Paracetamol: Cafein	4	500mg + 65mg	Uống	Viên	Viên	2000

56	NTBS70	Perindopril arginine 5mg; (tương đương 3,395mg perindopril): Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	1	5mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	5000
57	NTBS72	Piracetam	1	800mg	Uống	Viên	Viên	5000
58	NTBS73	Piracetam	2	2400mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	5000
59	NTBS74	Rotundin	4	30mg	Uống	Viên	Viên	5000
60	NTBS75	Rotundin	4	60mg	Uống	Viên	Viên	5000
61	NTBS76	Sắt protein succinylat	2	800mg tương ứng với 40mg Fe (III)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/Túi/Cha i/Lọ/Ống	10000
62	NTBS77	Simethicon	4	80mg/1.2ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	5000
63	NTBS78	Simethicone + Alverine citrate	2	300mg + 60mg	Uống	Viên nang	Viên	3000
64	NTBS79	Sorbitol	4	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Viên	2000
65	NTBS80	Tolperison	1	150mg	Uống	Viên	Viên	5000
66	NTBS81	Tolperison	1	50mg	Uống	Viên	Viên	5000
67	NTBS82	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	1	37.5 mg + 325 mg	Uống	Viên	Viên	2000
68	NTBS84	Vinpocetin	1	10mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	5000
69	NTBS86	Vinpocetin	1	10mg	Uống	Viên	Viên	5000
70	NTBS88	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	1	40mg (800mg)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Lọ	5000

[illegible]